

Bản án số: 33/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/TLST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Trụ sở: Đường D, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông T, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 245/2020/UQ-Đ ngày 16/11/2020).

Địa chỉ liên lạc: Đường D, phường N, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

***2. Bị đơn:*** Công ty TNHH X

Trụ sở: Đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có ông T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ với Công ty TNHH X đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Đ chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/07/2017.

- Số tiền vay: 647.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn).

- Mục đích vay: Vay mua xe ô tô mới.

- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

Lãi suất cho vay: 9%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 9,1250%/năm, với công thức quy đổi là  $(9\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$

Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau:

Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2)

Trong đó: Lãi suất cơ sở (1): Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do ngân hàng Đ công bố tại thời điểm tính lãi :  $360) \times 365$ ;

Biên độ lãi suất (2):  $(\text{Tối thiểu } 4\%/năm : 360) \times 365$ .

Áp dụng lãi suất theo “Du xuân lướt xế, vui tết xum vầy” hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của ngân hàng Đ nếu thuộc đối tượng hoặc các chương trình lãi suất hiện hành của ngân hàng Đ theo từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/07/2017. Cụ thể: Khoản vay bị trễ nợ vào ngày 25/02/2019, khách hàng vay đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Ngân hàng Đ đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay Công ty X vẫn không thanh toán nợ vay cho ngân hàng Đ. Vì vậy, Công ty X đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các cam kết đã ký kết với ngân hàng Đ.

Từ ngày giải ngân tạm tính đến hiện tại, khách hàng đã thanh toán tổng số tiền: 229.577.393 đồng, gồm nợ gốc: 138.600.000 đồng, nợ lãi: 90.977.393 đồng.

Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017 tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 771.510.277 đồng, trong đó: Nợ gốc: 508.400.000 đồng; Nợ lãi: 263.110.277 đồng;

Do đó, Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc Công ty X trả cho ngân hàng Đ tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 771.510.277 (Bảy trăm bảy mươi một triệu, năm trăm mười nghìn, hai trăm bảy mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc là 508.400.000 đồng, nợ lãi là 263.110.277 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín

dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 31/5/2022 cho đến khi Công ty X hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng Đ. Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi quyết định/bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Nếu Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là xe tải Pickup cabin kép, biển số đăng ký 51D-152.84 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2017 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286433) mà hai bên đã ký kết, căn cứ Hợp đồng thế chấp số 0295/2017/BĐ ngày 14/7/2017, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có ông T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Công ty TNHH X: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện bị đơn Công ty TNHH X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền: Do Bị đơn có trụ sở tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.3.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/9/2022, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có ông T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền xin vắng mặt tại phiên xét xử và xác định yêu cầu Tòa:

“+ Buộc Công ty TNHH X phải trả ngay và trả làm một lần cho ngân hàng Đ số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết (tạm tính đến ngày 30/9/2022) là 805.064.203 (Tám trăm lẻ năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm

*lẻ ba)* đồng, trong đó nợ gốc là 508.400.000 đồng, nợ lãi là 296.664.203 đồng (gồm lãi trong hạn là 151.941.730 đồng và lãi quá hạn là 144.722.473 đồng). Tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ sau ngày 30/9/2022 sẽ được tính tiếp cho đến khi Công ty X hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng Đ.

+ Nguyên đơn xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với 01 xe tải pickup cabin kép được mô tả tại Hợp đồng thế chấp số 0295/2017/BĐ ngày 14/7/2017, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh, do hiện nay phía Nguyên đơn chưa xác định được vị trí tài sản bảo đảm, không rõ xe đang ở đâu, không rõ ai đang quản lý tài sản, không biết khách hàng đã bàn giao xe cho ai. Phía Nguyên đơn đang tích cực truy tìm. Khi án có hiệu lực pháp luật nếu Nguyên đơn xác định được xe đã thế chấp cho Nguyên đơn đang ở đâu thì lúc đó Nguyên đơn sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp sau hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3.2]. Bị đơn Công ty TNHH X đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH X.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi vay:

Xét, Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017; các Khế ước nhận nợ đã được ký của Công ty X thể hiện: Công ty X có vay ngân hàng Đ số tiền 647.000.000 (*Sáu trăm bốn mươi bảy triệu*) đồng, với mục đích: Vay mua xe ô tô mới. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 360 ngày). Tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày là 9,1250%/năm, với công thức quy đổi là  $(9\%/năm : 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$ . Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + Biên độ lãi suất (2), trong đó: Lãi suất cơ sở (1): Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do ngân hàng Đ công bố tại thời điểm tính lãi :  $360 \times 365$ ; Biên độ lãi suất (2): (Tối thiểu 4%/năm : 360)  $\times 365$ . Áp dụng lãi suất theo “Du xuân lướt xé, vui tết xum vầy” hoặc các chương trình ưu đãi lãi suất khác của ngân hàng Đ nếu thuộc đối tượng hoặc các chương trình lãi suất hiện hành của ngân hàng Đ theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày giải ngân tạm tính đến 30/9/2022, bị đơn Công ty X đã thanh toán tổng số tiền: 229.577.393 đồng, trong đó: Nợ gốc là 138.600.000 đồng và nợ lãi là 90.977.393 đồng. Thời điểm Bị đơn vi phạm Hợp đồng tín dụng (quá hạn toàn bộ khoản vay) là ngày 25/02/2019.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”*

Tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...”*

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc Bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi án của Tòa có hiệu lực pháp luật đối với toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết (tạm tính đến ngày 30/9/2022) là 805.064.203 (*Tám trăm lẻ năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ ba*) đồng, trong đó nợ gốc là 508.400.000 đồng, nợ lãi là 296.664.203 đồng (gồm lãi trong hạn là 151.941.730 đồng và lãi quá hạn là 144.722.473 đồng), là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/9/2022, Nguyên đơn xin rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Xét, đây là sự tự nguyện không trái pháp luật của Nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Tuyên xử:***

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Buộc Công ty TNHH X phải trả làm một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết (tạm tính đến ngày 30/9/2022) là 805.064.203 (*Tám trăm lẻ năm triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ ba*) đồng, trong đó nợ gốc là 508.400.000 đồng, nợ lãi là 296.664.203 đồng (gồm lãi trong hạn là 151.941.730 đồng và lãi quá hạn là 144.722.473 đồng), ngay khi án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Hợp đồng tín dụng số 0295/2017/HĐTD-DN ngày 14/7/2017 và các Khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

Việc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô tải Pickup cabin kép, biển số đăng ký 51D-152.84 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2017 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286433), theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 0295/2017/BĐ ngày 14/7/2017, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu 36.151.926 (*Ba mươi sáu triệu, một trăm năm mươi một nghìn, chín trăm hai mươi sáu*) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 14.669.845 (*Mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi lăm*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007435 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh Phượng**